

**ỦY BAN NHÂN DÂN
ĐẶC KHU BẠCH LONG VĨ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 224/UBND-TTPVHCC

Bạch Long Vĩ, ngày 26 tháng 8 năm 2025

V/v công khai Danh mục quy
trình nội bộ giải quyết thủ tục
hành chính lĩnh vực thú y; lâm
nghiệp và kiểm lâm

Kính gửi:

- Thủ trưởng các phòng, ban, cơ quan, đơn vị đặc khu;
- Trưởng các Thôn trên địa bàn đặc khu;
- Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn đặc khu.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2943/QĐ-SNV ngày 12/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thú y, thủy sản, kiểm ngư, tài nguyên nước, đo đạc và bản đồ, nông thôn mới thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vĩ công khai danh mục quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa, Thể thao & Du lịch với các nội dung:

1. Công khai Danh mục quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thú y; lâm nghiệp và kiểm lâm trên địa bàn đặc khu Bạch Long Vĩ (***Danh mục quy trình kèm theo***).

2. Danh mục quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thú y; lâm nghiệp và kiểm lâm công khai tại Văn bản này thay thế các quy trình cùng nội dung đã được công khai.

3. Danh mục quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thú y; lâm nghiệp và kiểm lâm kèm theo Văn bản này được niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Cổng thông tin điện tử đặc khu Bạch Long Vĩ (Địa chỉ truy cập: <https://bachlongvy.haiphong.gov.vn>) theo quy định.

Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vĩ công khai đề các tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND đặc khu;
- Cổng TTĐT (*đăng tin*);
- Lưu: VT, TTPVHCC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Quang Trường

PHỤ LỤC
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC
(Kèm theo Công văn số 224/UBND-TTPVHCC ngày 27/8/2025
của Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vĩ)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết
1		Hỗ trợ người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật	Thú y	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. - Nghị định số 131/2025/NĐ CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Quyết định số 2313/QĐ BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: UBND cấp xã. - Đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Cơ quan, đơn vị thực hiện phân công nhiệm vụ
2		Công bố dịch bệnh động vật trên cạn khi có đủ điều kiện công bố dịch bệnh xảy ra trong phạm vi xã	Thú y	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. - Nghị định số 131/2025/NĐ CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Quyết định số 2303/QĐ BNNMT ngày 23/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	UBND đặc khu Bạch Long Vĩ
3		Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn khi có đủ điều kiện công bố dịch bệnh xảy ra trong phạm vi xã			

PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung (tên cũ)	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết	Ghi chú
	5.000976	Quyết định cho thuê rừng đồi với trường hợp thuê rừng là tổ chức	Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đồi với tổ chức	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	- Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 136/2025/NĐ CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	UBND đặc khu Bạch Long Vĩ	Phân quyền từ UBND TP xuống xã
		Quyết định cho thuê rừng đồi với trường hợp thuê rừng là hộ gia đình, cá nhân	Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đồi với hộ gia đình, cá nhân		- Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 136/2025/NĐ CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.		Thay đổi cơ quan thực hiện TTHC do bỏ cấp huyện

PHẦN III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ BỊ BÃI BỎ

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung (tên cũ)	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết	Ghi chú
1	5.000105	Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương (cấp huyện)	Thú y	- Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 131/NĐ-CP - Quyết định số 2303/QĐ BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	UBND huyện Bạch Long Vĩ	Bỏ cấp huyện

Phụ lục II:
NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
(Kèm theo Công văn số 224/UBND-TTPVHCC ngày 27/8//2025
của Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vĩ)

PHẦN I: NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH

1. Tên thủ tục: Hỗ trợ người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật

1.1. Trình tự thực hiện

a. Đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

Căn cứ văn bản huy động người tham gia khắc phục dịch bệnh và Bảng chấm công, hằng tháng Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp kinh phí hỗ trợ theo Mẫu số 3c, ban hành Quyết định hỗ trợ theo Mẫu số 4b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 116/2025/NĐ-CP.

b. Đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

Cơ quan, đơn vị phân công, huy động người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật sử dụng dự toán được cấp có thẩm quyền giao để hỗ trợ người của cơ quan, đơn vị mình tham gia khắc phục dịch bệnh động vật.

Cơ quan, đơn vị căn cứ theo phân công nhiệm vụ để thực hiện việc chi trả hỗ trợ cho người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật theo quy định tại Nghị định số 13/2025/NĐ-CP và pháp luật khác có liên quan.

1.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật không hưởng lương từ ngân sách nhà nước

Thành phần hồ sơ gồm: - Văn bản huy động người tham gia khắc phục dịch bệnh;
 - Bảng chấm công; - Bảng tổng hợp kinh phí hỗ trợ theo Mẫu số 3c tại Phụ lục ban hành kèm theo

Nghị định số 116/2025/NĐ-CP.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

b. Đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

Thành phần hồ sơ gồm: Bản phân công nhiệm vụ

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ

quan, đơn vị thực hiện phân công nhiệm vụ.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a. Đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Ủy ban nhân dân cấp xã.

b. Đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Cơ quan, đơn vị thực hiện phân công nhiệm vụ.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc hỗ trợ đối với

người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật theo Mẫu số 4b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 116/2025/NĐ-CP. - Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 400.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 500.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết. - Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được phân công, huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 150.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 300.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

1.9. Tên mẫu đơn, tờ khai (nếu có):

Bảng tổng hợp đề xuất (hoặc kết quả thực hiện) hỗ trợ người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật theo Mẫu số 3c ban hành kèm theo Nghị định số 116/2025/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện (nếu có):

- Người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật là người trực tiếp tham gia nhiệm vụ phòng, chống một hoặc một số bệnh động vật quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 116/2025/NĐ-CP theo phân công, huy động của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trên cơ sở tính chất, quy mô dịch bệnh để thực hiện một hoặc nhiều hoạt động sau đây:

+ Thông kê; xác nhận thiệt hại do dịch bệnh động vật;

+ Xử lý ổ dịch; lấy mẫu; mổ khám, chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật; điều tra, xác minh dịch bệnh động vật; bắt, giữ, vận chuyển, tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật;

+ Tiêm phòng, vệ sinh, tiêu độc, khử trùng để phòng, chống dịch bệnh động vật;

+ Trục tổ, chốt, trạm để kiểm soát dịch bệnh động vật. - Người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật phải được cơ quan, đơn vị nhà nước có thẩm quyền phân công hoặc huy động bằng văn bản.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật.

Mẫu số 3c

ỦY BAN NHÂN DÂN

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ
NGƯỜI THAM GIA KHẮC PHỤC DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**
(Từ ngày.... tháng.... năm đến ngày tháng.... năm....)

STT Địa phương

(cấp tỉnh, cấp xã)

Kinh phí hỗ trợ người không hưởng lương

từ ngân sách nhà nước tham gia khắc phục dịch bệnh
động vật

(triệu đồng)

Tổng NSNN hỗ trợ NSTW hỗ trợ NSDP đảm bảo

(1) (2) (3) (4) (5)

I TỔNG SỐ

1

2

II CHI TIẾT THEO

ĐỊA PHƯƠNG

1

2

Ghi chú: UBND cấp xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo
cáo

kết quả thực hiện với UBND cấp tỉnh; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết
quả thực hiện

với các bộ ngành trung ương.

(4), (5): Bảng tổng hợp của UBND cấp xã thì để trống.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

....., ngày tháng năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên đóng dấu)

Mẫu số 4b

ỦY BAN NHÂN DÂN (CẤP XÃ).....

Số:/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày....tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật

ỦY BAN NHÂN DÂN (CẤP XÃ)...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ quy định
chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;
Theo đề nghị của.... .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ kinh phí đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật
trên địa bàn (cấp xã).... và kinh phí hỗ trợ cụ thể theo danh sách tại Phụ lục gửi
kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. ... và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết
định này.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - UBND cấp tỉnh (để b/c); - ... - Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên đóng dấu)

Họ và tên

2. Thủ tục: Công bố dịch bệnh động vật trên cạn khi có đủ điều kiện công bố dịch bệnh xảy ra trong phạm vi xã

2.1. Trình tự thực hiện - Bước 1: Cơ quan chuyên môn phụ trách lĩnh vực chăn nuôi, thú y cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công bố dịch bệnh động vật. - Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công bố dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Thú y.

2.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn phụ trách lĩnh vực chăn nuôi, thú y cấp xã.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố dịch bệnh động vật trên cạn.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai (nếu có): Không quy định.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện (nếu có): - Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới;

- Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Thủ tục: Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn khi có đủ điều kiện công bố dịch bệnh xảy ra trong phạm vi xã

3.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan chuyên môn phụ trách lĩnh vực chăn nuôi, thú y cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công bố hết dịch bệnh động vật.
- Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công bố hết dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Thú y.

3.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của Cơ quan chuyên môn phụ trách lĩnh vực chăn nuôi, thú y cấp xã; - Văn bản chấp thuận công bố hết dịch của Cơ quan quản lý chuyên ngành Chăn nuôi và Thú y cấp tỉnh; - Biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của Cơ quan quản lý chuyên ngành Chăn nuôi và Thú y cấp tỉnh.

3.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn phụ trách lĩnh vực chăn nuôi, thú y cấp xã.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn.

3.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, tờ khai (nếu có): Không quy định.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện (nếu có):

Việc công bố hết dịch bệnh động vật bao gồm các điều kiện sau đây:

- Trong thời gian 21 ngày kể từ ngày con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị tiêu hủy, giết mổ bắt buộc hoặc lành bệnh mà không có con vật nào bị mắc bệnh hoặc chết vì dịch bệnh động vật đã công bố; - Đã phòng bệnh bằng vắc-xin cho động vật miễn cảm với bệnh dịch được công bố đạt tỷ lệ trên 90% số động vật trong diện tiêm trong vùng có dịch và trên 80% số động vật trong diện tiêm trong vùng bị dịch uy hiếp hoặc đã áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật miễn cảm với bệnh trong vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y; - Thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT đối với vùng có dịch, vùng bị dịch uy

hiếp theo hướng dẫn tại mục 5 của Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT, bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh thú y;

- Có văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương và văn bản chấp thuận công bố hết dịch gửi kèm theo biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp trên.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y.
- Thông tư số 07/2016/BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.
- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

PHẦN II: THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với tổ chức

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Xây dựng phương án đấu giá cho thuê rừng

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch cho thuê rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã xây dựng phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

b) Bước 2: Phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt phương án và giá khởi điểm cho thuê rừng (giá khởi điểm cho thuê rừng được phê duyệt là căn cứ để thực hiện việc đấu giá cho thuê rừng); trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Bước 3: Ký hợp đồng dịch vụ đấu giá cho thuê rừng Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt giá khởi điểm cho thuê rừng, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với tổ chức đấu giá tài sản theo phương án đã được phê duyệt để thực hiện việc đấu giá cho thuê rừng.

d) Bước 4: Tổ chức đấu giá cho thuê rừng Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng đấu giá cho thuê rừng, tổ chức đấu giá tài sản đã được ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản có trách nhiệm thực hiện trình tự, thủ tục đấu giá cho thuê rừng theo quy định của pháp luật về đấu giá và pháp luật có liên quan.

đ) Bước 5: Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đấu giá, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê rừng. Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê rừng, tổ chức trúng đấu giá cho thuê rừng có trách nhiệm hoàn thành việc nộp tiền thuê rừng vào Kho bạc Nhà nước và chuyển chứng từ đã hoàn thành nộp tiền cho cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã để thực hiện trình tự, thủ tục cho thuê rừng đồng thời với cho thuê đất. Trường hợp quá thời gian quy định phải hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê rừng, tổ chức trúng đấu giá không nộp đủ tiền theo kết quả trúng đấu giá, cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hủy công nhận kết quả trúng đấu giá.

1.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Hồ sơ phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng: Phương án đấu giá cho thuê rừng.

b) Hồ sơ công nhận kết quả đấu giá để trình cấp có thẩm quyền cho thuê rừng, gồm:

- Kết quả đấu giá;
- Biên bản đấu giá;
- Danh sách người trúng đấu giá;
- Thông báo hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

1.4. Thời hạn giải quyết: 53 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt kết quả đấu giá cho thuê rừng đối với tổ chức.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với tổ chức.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phương án đấu giá cho thuê rừng theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

1 4 2 - Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

1 4 3 Mẫu số 01

CƠ QUAN XÂY DỰNG PHƯƠNG
ÁN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
..., ngày..... tháng..... năm.....

PHƯƠNG ÁN **Đấu giá cho thuê rừng**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

.....

II. THÔNG TIN KHU RỪNG ĐẤU GIÁ

1. Vị trí, diện tích khu rừng đấu giá

- Vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính):.....
- Diện tích (ha):
- Hiện trạng:.....
- Trữ lượng (m3):
- Loài cây (rừng trồng):.....Năm trồng:.....

2. Mục đích, hình thức (cho thuê rừng), thời hạn sử dụng rừng

- Mục đích sử dụng rừng:.....
- Hình thức:.....
- Thời hạn sử dụng:.....

III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐẤU GIÁ

1. Dự kiến thời gian tổ chức thực hiện đấu giá:.....

2. Đối tượng, điều kiện được tham gia đấu giá, mức phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá:

- Đối tượng:.....
- Điều kiện được tham gia đấu giá:.....
- Mức phí tham gia đấu giá:.....
- Khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá:.....

3. Hình thức và phương thức tổ chức đấu giá

- Hình thức tổ chức đấu giá:.....
- Phương thức tổ chức đấu giá:.....

4. Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá

- Kinh phí thực hiện:.....

1 4 4 - Nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá:.....

5. Dự kiến giá trị thu được và đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá:

- Dự kiến giá trị thu:
- Đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả bán đấu giá.

6. Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan xây dựng phương án đấu giá.

2. Tổ chức được lựa chọn thực hiện cuộc bán đấu giá.

3. Các cơ quan có liên quan.....

4. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

1 4 5 2. Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Xây dựng phương án đấu giá cho thuê rừng Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch cho thuê rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã xây dựng phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

b) Bước 2: Phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt phương án và giá khởi điểm cho thuê rừng (giá khởi điểm cho thuê rừng được phê duyệt là căn cứ để thực hiện việc đấu giá cho thuê rừng); trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Bước 3: Ký hợp đồng dịch vụ đấu giá cho thuê rừng Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt giá khởi điểm cho thuê rừng, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với tổ chức đấu giá tài sản theo phương án đã được phê duyệt để thực hiện việc đấu giá cho thuê rừng.

d) Bước 4: Tổ chức đấu giá cho thuê rừng Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng đấu giá cho thuê rừng, tổ chức đấu giá tài sản đã được ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản có trách nhiệm thực hiện trình tự, thủ tục đấu giá cho thuê rừng theo quy định của pháp luật về đấu giá và pháp luật có liên quan.

đ) Bước 5: Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đấu giá, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê rừng. Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê rừng, hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá cho thuê rừng có trách nhiệm hoàn thành việc nộp tiền thuê rừng vào Kho bạc Nhà nước và chuyển chứng từ đã hoàn thành nộp tiền cho cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã để thực hiện trình tự, thủ tục cho thuê rừng đồng thời với cho thuê đất. Trường hợp quá thời gian quy định phải hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê rừng, hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá không nộp đủ tiền theo kết quả trúng đấu giá, cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hủy công nhận kết quả trúng đấu giá.

1 4 6 2.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Hồ sơ phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng: Phương án đấu giá cho thuê rừng.

b) Hồ sơ công nhận kết quả đấu giá để trình cấp có thẩm quyền cho thuê rừng, gồm:

- Kết quả đấu giá;

- Biên bản đấu giá;
- Danh sách người trúng đấu giá;
- Thông báo hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

2.4. Thời hạn giải quyết: 53 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt kết quả đấu giá cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.
- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phương án đấu giá cho thuê rừng theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Không 2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;
- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.
- Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

1 4 7 Mẫu số 01

CƠ QUAN XÂY DỰNG
PHƯƠNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng..... năm.....

PHƯƠNG AN
Đấu giá cho thuê rừng**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG AN**

.....

II. THÔNG TIN KHU RỪNG ĐẤU GIÁ 1. Vị trí, diện tích khu rừng đấu giá

- Vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính):.....

- Diện tích (ha):

- Hiện trạng:.....

- Trữ lượng (m3):

- Loài cây (rừng trồng):.....Năm trồng:.....

2. Mục đích, hình thức (cho thuê rừng), thời hạn sử dụng rừng

- Mục đích sử dụng rừng:.....

- Hình thức:.....

- Thời hạn sử dụng:.....

III. NỘI DUNG PHƯƠNG AN ĐẤU GIÁ

1. Dự kiến thời gian tổ chức thực hiện đấu giá:.....

2. Đối tượng, điều kiện được tham gia đấu giá, mức phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá:

- Đối tượng:.....

- Điều kiện được tham gia đấu giá:.....

- Mức phí tham gia đấu giá:.....

- Khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá:.....

3. Hình thức và phương thức tổ chức đấu giá

- Hình thức tổ chức đấu giá:.....

- Phương thức tổ chức đấu giá:.....

4. Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá

- Kinh phí thực hiện:.....

- Nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá:.....

5. Dự kiến giá trị thu được và đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá:

- Dự kiến giá trị thu:

- Đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả bán đấu giá.

6. Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan xây dựng phương án đấu giá.

2. Tổ chức được lựa chọn thực hiện cuộc bán đấu giá.

3. Các cơ quan có liên quan.....

4. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN XÂY DỰNG PHƯƠNG AN (Ghi tên,
chức danh, ký tên và đóng dấu)

